CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP SCI

Ngày 31/12/2025	9,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.2%	**-3.2%**	**23.5%**

DT thuần
Q4/25
90.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼431| -82.7%
YoY: ▼241| -72.7%

LN thuần
Q4/25
44.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.70| 6.5%
YoY: ▲ 54.0| 551%

LN sau thuế
Q4/25
28.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.30| -20.2%
YoY: ▲ 38.5| 398%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
20.1%
YoY: +/-▲ 5.2%

ROE
2025
5.6%
YoY: +/-▲ 3.2%

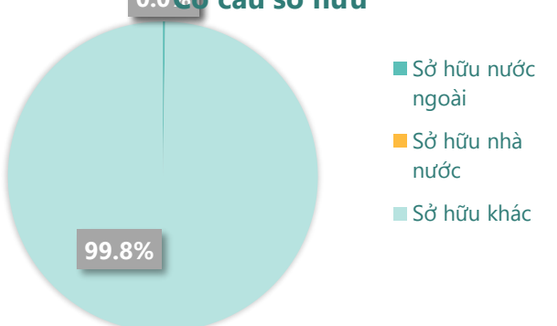
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,646 - 12,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	947
Số lượng CPLH (CP)	104,088,992
KLGD BQ 20 phiên (CP)	68,500
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	1.12
EPS	966
P/E	9.4

DT thuần
2025
1,427
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.0| 1.8%

LN thuần
2025
141
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 160| 826%

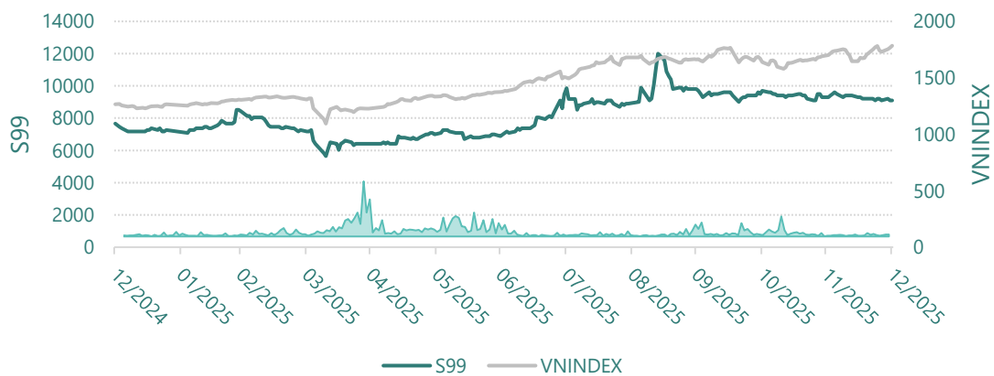
LN sau thuế
2025
108
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 64.1| 147%

Cơ cấu sở hữu

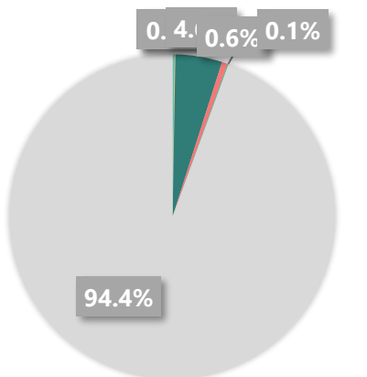


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

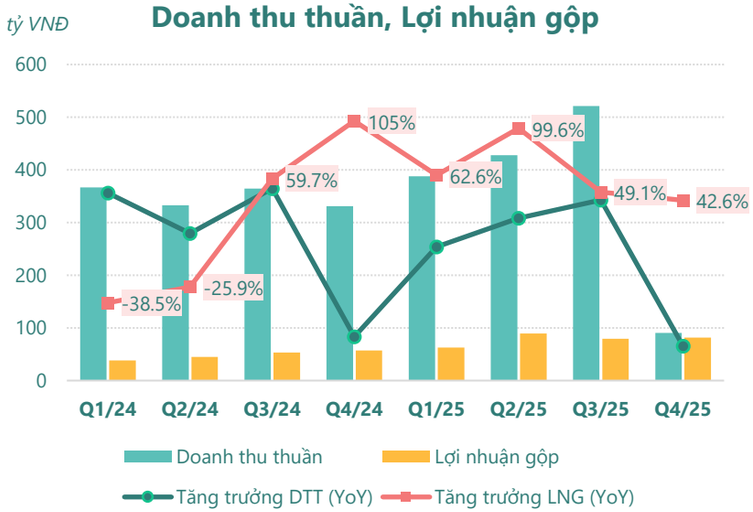


- Nguyễn Công Hùng (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thị Thu Hường
- Quỹ đầu tư Viettinbank Cap
- Lương Thanh Tùng
- Nguyễn Minh Hùng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

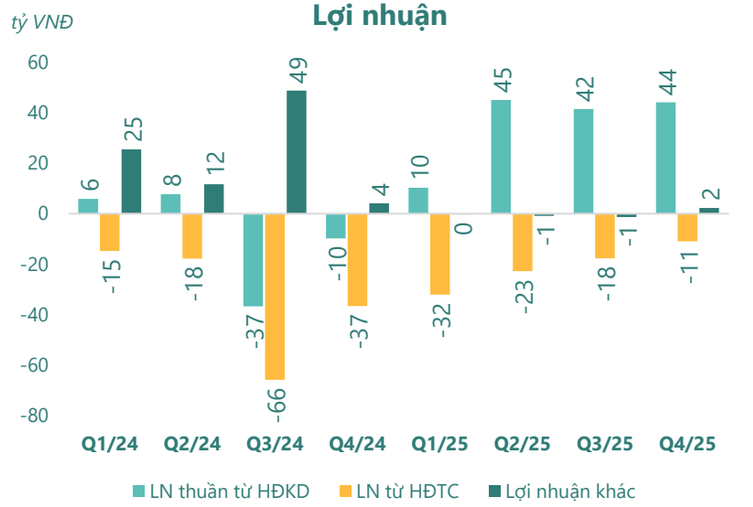
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



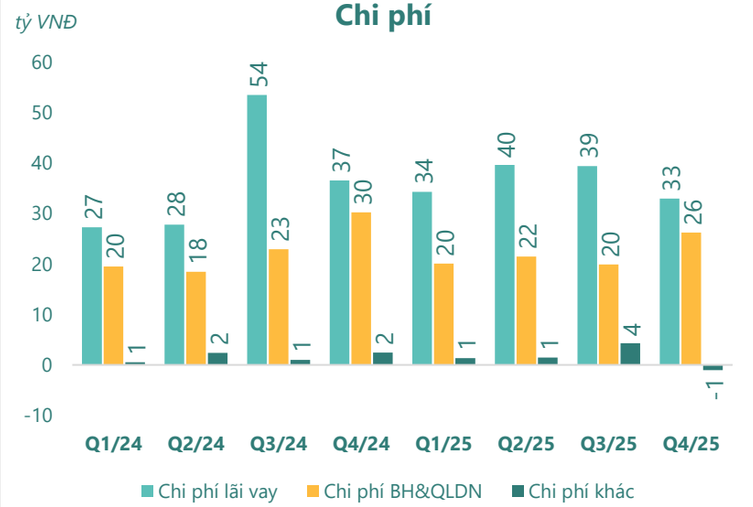
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



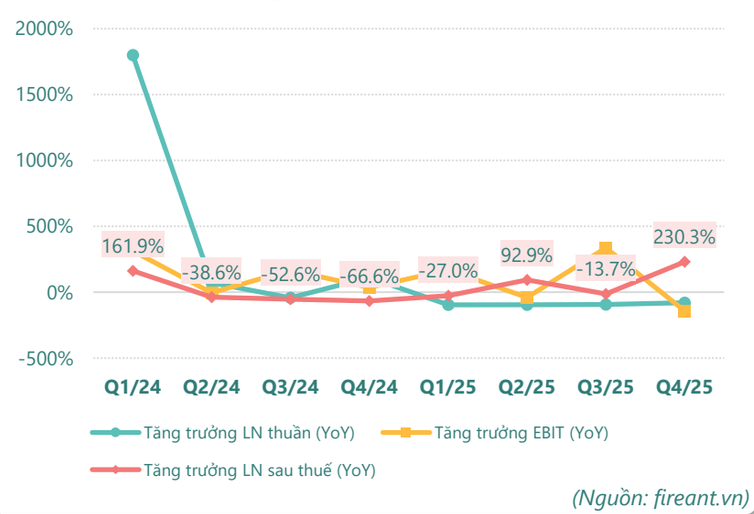
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



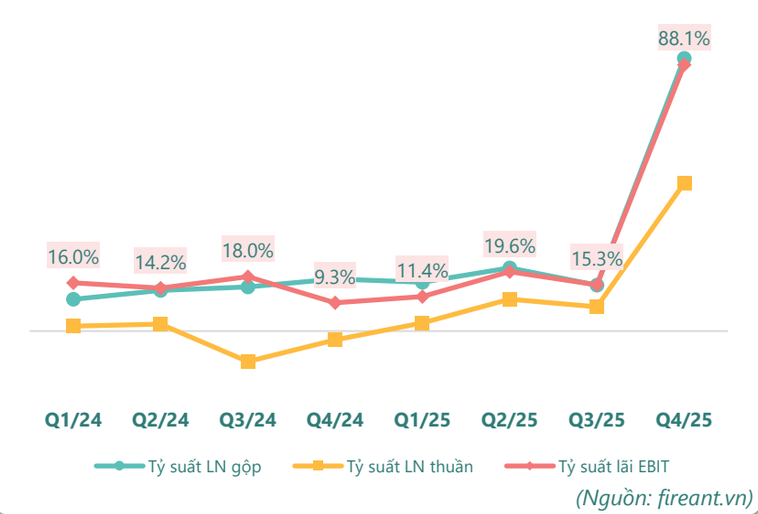
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



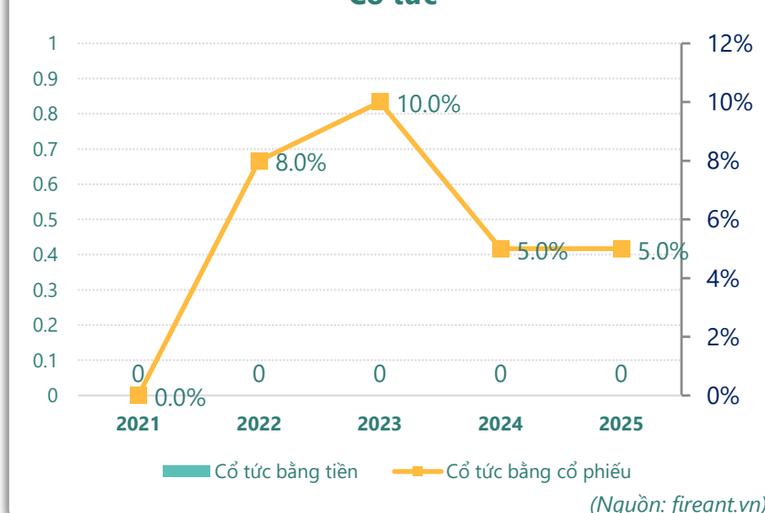
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

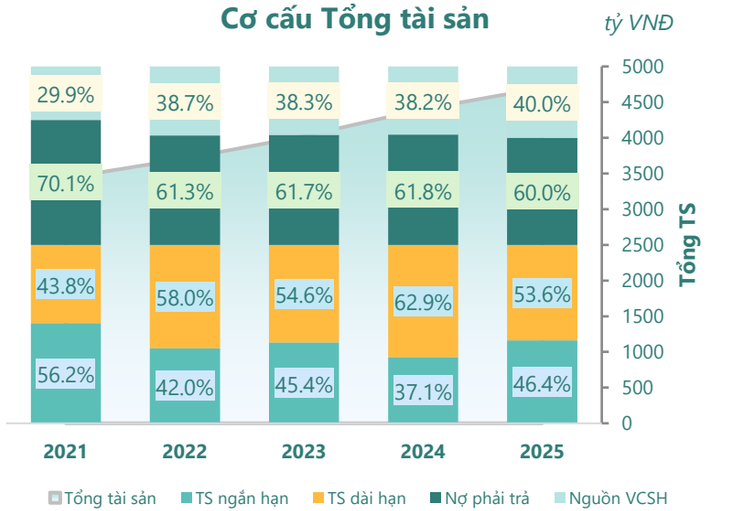
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

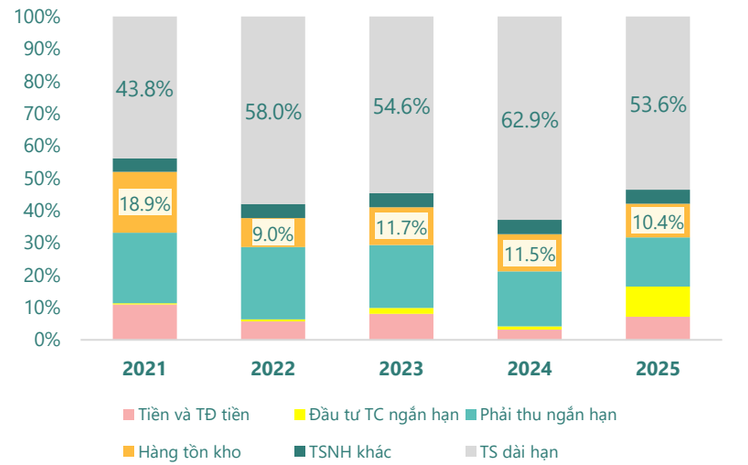
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



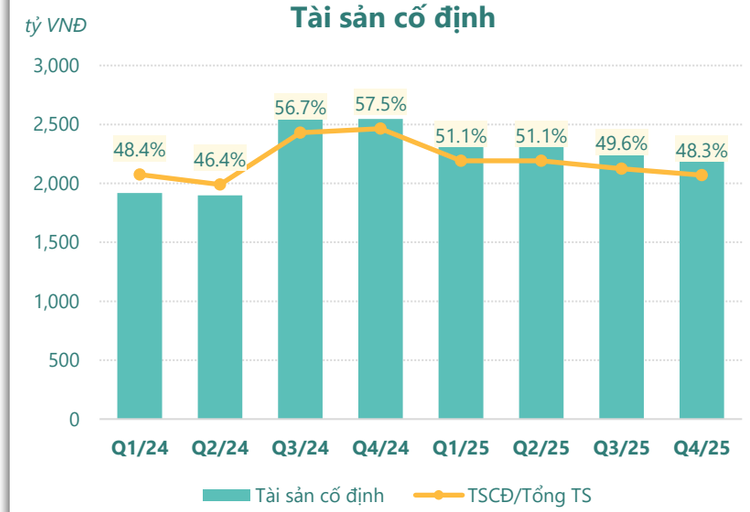
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



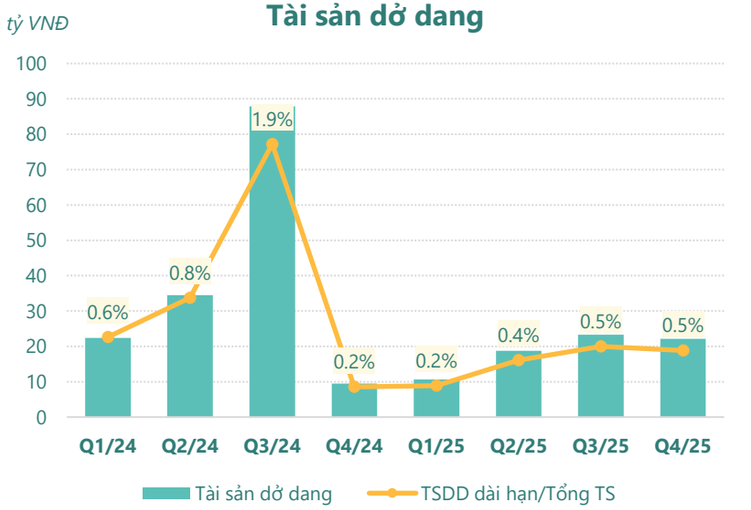
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



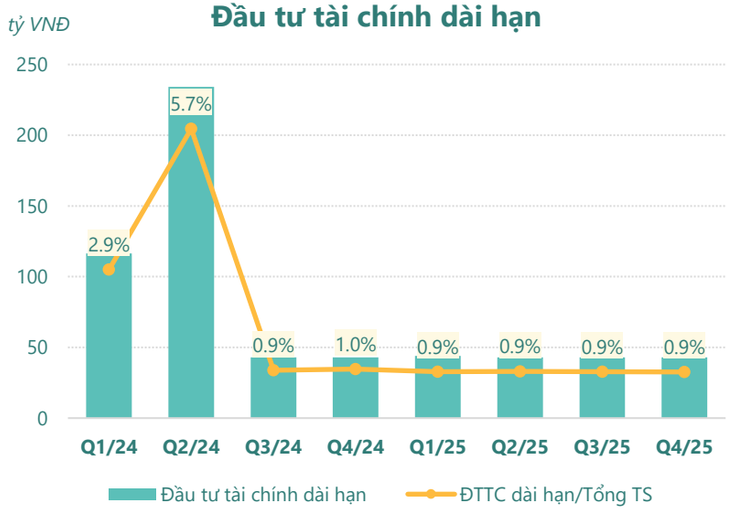
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



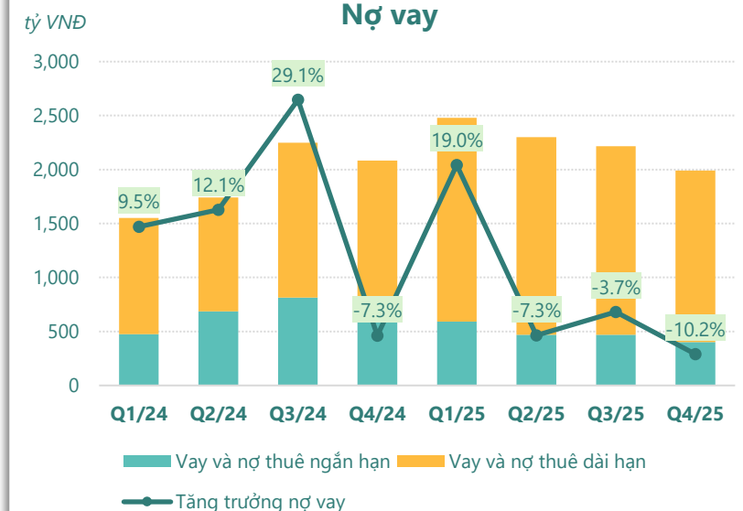
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

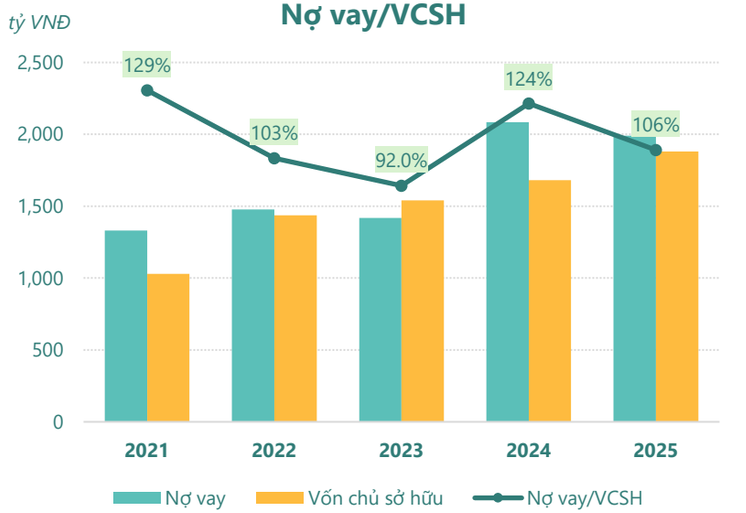
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

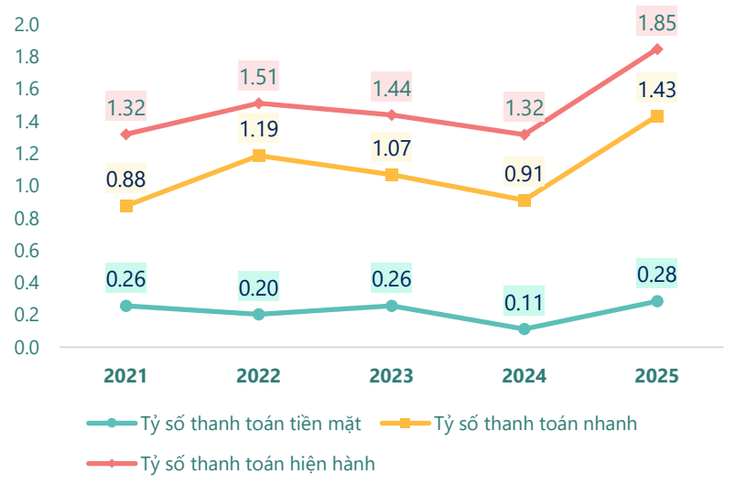
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



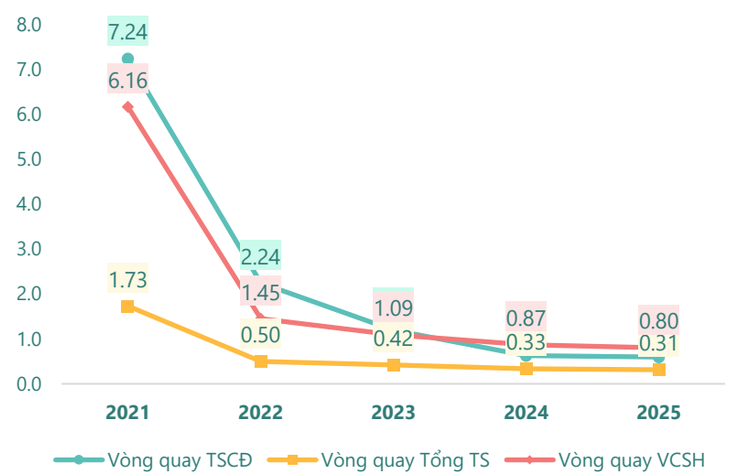
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



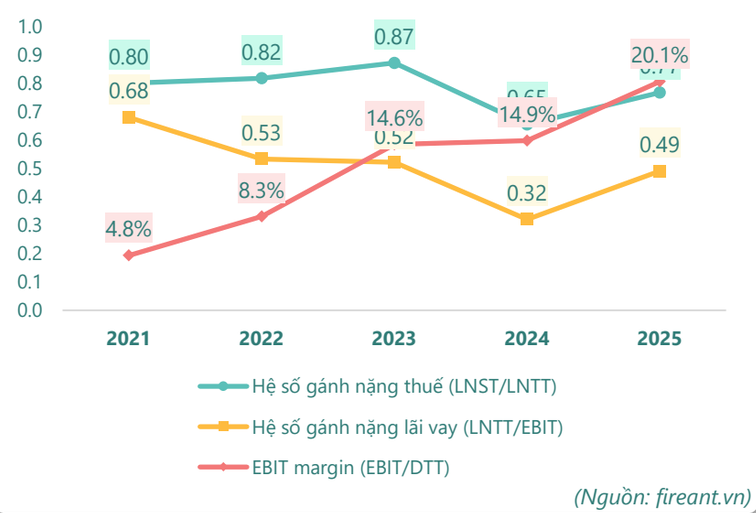
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



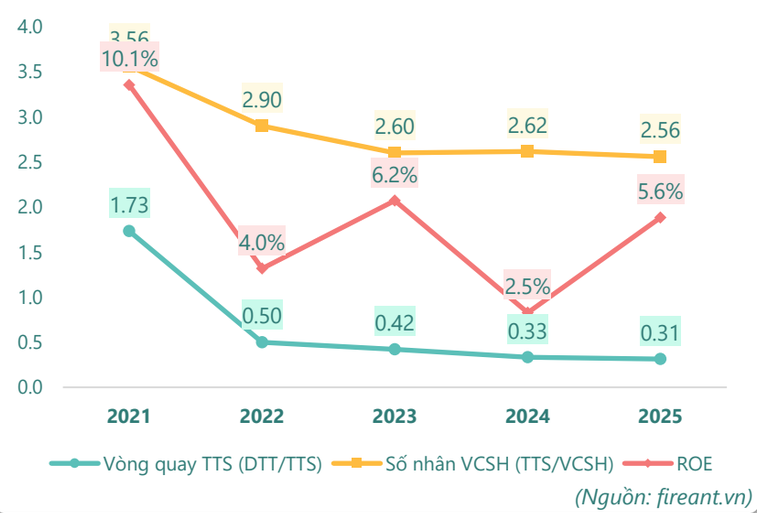
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



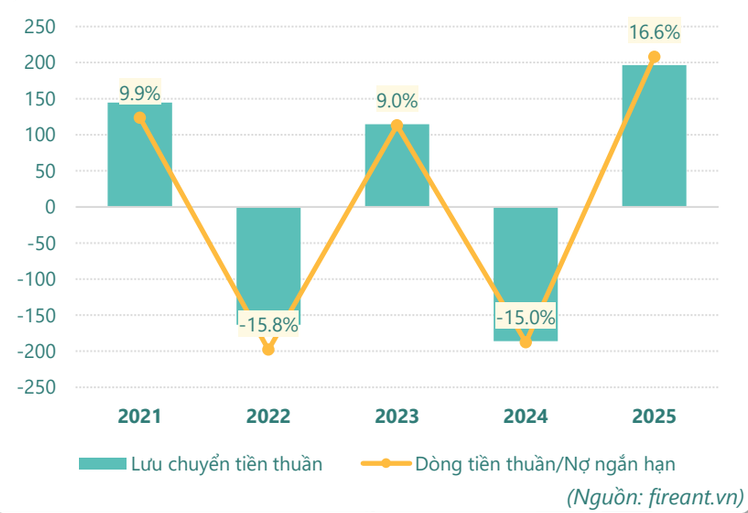
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**90.3**	**331**	**-72.7%**	**1,427**	**1,403**	**1.8%**
Giá vốn hàng bán	8.85	274	-96.8%	1,114	1,211	-8.0%
Lợi nhuận gộp	81.4	57.1	42.6%	313	191	63.7%
Doanh thu HĐTC	26.0	7.67	239%	86.9	38.5	126%
Chi phí TC	37.0	44.3	-16.5%	171	164	3.9%
Chi phí lãi vay	33.0	36.6	-9.8%	147	142	2.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**-0.89**	**100%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**26.3**	**30.2**	**-13.0%**	**87.8**	**84.1**	**4.5%**
LN thuần từ HĐKD	44.2	-9.80	551%	141	-19.4	826%
Lợi nhuận khác	**2.32**	**4.17**	**-44.3%**	**-0.17**	**86.5**	**-100%**
LN trước thuế	46.5	-5.63	926%	141	67.1	110%
Lợi nhuận sau thuế	**28.8**	**-9.68**	**398%**	**108**	**43.9**	**147%**
LNST của CĐ cty mẹ	**28.8**	**-15.3**	**288%**	**101**	**40.0**	**151%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	241	141	15.6	172	251	304
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-744	11.3	-365	-38.0	-15.2	-34.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	521	-164	397	-181	-83.9	-225
Tiền đầu kỳ	120	138	139	186	140	292
Lưu chuyển tiền thuần	**18.4**	**-12.3**	**47.2**	**-46.4**	**151**	**44.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	0	0.01	0.09	0.11	0.00
Tiền cuối kỳ	138	126	186	140	292	336

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,701**	**4,402**	**6.8%**
Tài sản ngắn hạn	2,182	1,634	33.5%
Tiền và tương đương tiền	336	139	141%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	437	44.4	885%
Phải thu ngắn hạn	714	749	-4.7%
Hàng tồn kho	489	504	-2.9%
Tài sản ngắn hạn khác	205	197	4.1%
Tài sản dài hạn	**2,519**	**2,768**	**-9.0%**
Phải thu dài hạn	1.76	1.46	20.3%
Tài sản cố định	2,270	2,516	-9.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	22.2	9.35	137%
Đầu tư tài chính dài hạn	42.9	43.0	-0.3%
Tài sản dài hạn khác	**116**	**121**	**-4.4%**
Lợi thế thương mại	66.4	76.6	-13.4%
Nợ phải trả	2,821	2,721	3.7%
Nợ ngắn hạn	**1,180**	**1,240**	**-4.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	403	644	-37.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	165	183	-9.6%
Nợ dài hạn	1,641	1,481	10.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,588	1,440	10.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,880**	**1,681**	**11.9%**
Vốn chủ sở hữu	**1,880**	**1,681**	**11.9%**
Vốn điều lệ	1,041	991	5.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)